

Bản án số: 164 /2025/DS-ST
Ngày: 09/9/2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị An Thư

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hải Bình.

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đoàn Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2- Đồng Tháp;

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 2 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2025/TLST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2025, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290 a/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 260a/ 2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Mộng K**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (ấp T, xã P huyện T, Tiền Giang cũ).

Đại diện ủy quyền Nguyễn Lê Ngọc B, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp (ấp B, xã P, huyện T, Tiền Giang cũ)

* *Bị đơn:*

1/ Ông **Phan Thành P** sinh năm 1972,

2/ Bà **Đỗ Thị Kim H**, sinh năm 1974(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (ấp T, xã P huyện T, Tiền Giang cũ).

(Bà B, ông P xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn, quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:* Do tôi có quen biết từ trước với ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H các lần tiền như sau:

Ngày 10/08/2023 tôi có cho ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); giữa các bên có thỏa thuận lãi suất

mỗi tháng là 0.83%, trả lãi hàng tháng từ ngày 15 đến ngày 30 và có viết vay tiền để làm căn cứ giải quyết khi có tranh chấp, tôi và ông Phan Thành P đều ký tên vào giấy vay tiền.

Ngày 05/04/2023 tôi có cho ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); giữa các bên có thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 0.83%, trả lãi hàng tháng từ ngày 15 đến ngày 30 và có viết vay tiền để làm căn cứ giải quyết khi có tranh chấp, giữa tôi và bà Đỗ Thị Kim H đều ký tên vào giấy vay tiền.

Ngày 06/06/2023 tôi có cho ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); giữa các bên có thỏa thuận lãi suất mỗi tháng là 0.83%, trả lãi hàng tháng từ ngày 15 đến ngày 30 và có viết vay tiền để làm căn cứ giải quyết khi có tranh chấp; giữa các bên không có lập văn gì về việc vay tiền, các bên thỏa thuận bằng miệng khi nào tôi cần tiền tôi có quyền yêu cầu ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H trả tôi số tiền 50.000.000 bất cứ khi nào tôi cần.

Tổng cộng, tôi đã giao đầy đủ số tiền 300.000.000 đồng cho ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H.

Do gặp nhiều khó khăn tôi yêu cầu ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H trả tôi số tiền vốn gốc và tiền lãi nhưng đến nay ông P và bà H luôn cố tình tránh né, không có thiện chí trả nợ mặc dù tôi nhiều lần yêu cầu ông P và bà H trả nợ.

Cho đến nay, ông P và bà H nợ tôi các khoản tiền như sau:

+ Số tiền vốn gốc: 300.000.000 đồng.

+ Tiền lãi của số nợ 100.000.000 đồng tạm tính từ ngày 10/08/2023 đến ngày 23/06/2025: 18.678.000 đồng.

+ Tiền lãi của số nợ 150.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 05/04/2023 đến ngày 23/06/2025: 33.117.000 đồng.

+ Tiền lãi của số nợ 50.000.000 đồng, tạm tính từ ngày 06/06/2023 đến ngày 23/06/2025: 10.195.000 đồng.

Tổng cộng, số tiền vốn gốc và lãi mà ông P và bà H còn nợ tôi là: 361.990.000 đồng.

Nên yêu cầu ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mộng K số tiền 361.990.000 đồng (Bao gồm tiền vốn gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 23/6/2025 là 61.000.000 đồng, và không yêu cầu tính lãi).

Tại phiên hòa giải ngày 11/8/2025: đại diện ủy quyền thống nhất cho ông P, bà H trả số tiền 350.000.000 đồng. Nhưng trả trước 150.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Sau đó ông P, bà H phải trả cho bà K mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi hết nợ. Nếu không thực hiện được như vậy thì yêu cầu trả số tiền 350.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông P, bà H trình bày: Ông bà có vay của bà K số tiền 300.000.000 đồng như bà K trình bày và tiền lãi 61.000.000 đồng, nhưng bà K cho chúng tôi bớt 11.000.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng tôi còn trả cho bà K số tiền 350.000.000 đồng.

Vợ chồng ông thống nhất số tiền nợ bà K, xin trả dần mỗi tháng 3 triệu đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H có nơi cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 2- Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ trên cơ sở lời khai của bị đơn và chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì giữa ông Phan Thành P với bà Đỗ Thị Kim H có xác lập hợp đồng vay tiền. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định Điều 463, Đ466 Bộ luật Dân sự 2015

[3]. Về thủ tục tố tụng: Đại diện nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Bị đơn được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Việc vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập sau ngày 01/01/2017 nên áp dụng Bộ Luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ Luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Căn cứ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đơn kiện, bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, biên bản hòa giải, đơn xin vắng mặt và bản tự khai của đại diện nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về thời gian vay tiền và số tiền đã vay:

Bà Lê Thị Mộng K khai có cho ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H vay tổng cộng 03 lần:

Ngày 10/08/2023 vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng; Ngày 05/04/2023 vay số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); Ngày 06/06/2023 vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Theo 02 giấy biên nhận tiền gốc. Tổng cộng là 300.000.000 đồng tiền gốc lời thừa nhận của bị đơn ông Phan Thành P và vợ là bà Đỗ Thị Kim H có vay tiền của chị K với số tiền nói trên. Do đó có cơ sở xác định giữa hai bên đương sự có xác lập giao dịch vay tiền. Quá trình thực hiện hợp đồng bên bị đơn không trả nợ

cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo Điều 466 Bộ luật dân sự làm thiệt thời quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Mộng K, cần buộc ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H có nghĩa vụ trả cho Bà K tổng số tiền gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

[4.2] Về tiền lãi: Xét hai biên nhận bên nguyên đơn cung cấp, bản tự khai, biên bản hòa giải. Hội đồng xét xử thấy giữa các bên không có thỏa thuận thời gian vay tiền cụ thể cũng không có thỏa thuận lãi suất cụ thể trong biên nhận. Tuy nhiên hai bên có thỏa thuận việc trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đến nay bên nguyên đơn tự nguyện giảm tiền lãi cho bị đơn và bị đơn đồng ý. Như vậy về tiền lãi ông P và bà H phải trả tiền lãi cho bà Lê Thị Mộng K số tiền 50.000.000 đồng là phù hợp, cần chấp nhận.

[4.3] Về thời gian trả tiền: bên nguyên đơn cho bên bị đơn trả số tiền tổng cộng là 350.00.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H trả trước cho bà Lê Thị Mộng K số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi trả xong số tiền trên thì mỗi tháng trả cho bà Lê Thị Mộng K là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông P và bà H không trả trước được 150.000.000 đồng thì bà Lê Thị Mộng K có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án hết số tiền 350.000.000 đồng, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn cho bị đơn trả số tiền trên thấy có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mộng K là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Mộng K.

Buộc ông Phan Thành P và bà Đỗ Thị Kim H cùng có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Mộng K số tiền tổng cộng số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật trả 175.000.000 đồng. Sau đó mỗi tháng trả 5.000.000 đồng ch đến khi hết nợ. Nếu khi án có hiệu lực pháp luật không trả 175.000.000 đồng. Thì bà Lê Thị Mộng K được quyền yêu cầu ông P và bà H trả hết số tiền 350.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu phần tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Buộc ông Phan Thành P, bà Đỗ Thị Kim H phải chịu 17.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Mộng K không phải chịu án Phí. Hoàn lại tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Mộng K số tiền 9.050.000 đồng mà bà K đã tạm ứng theo biên lai thu số 0001012 ngày 17/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp.
- Viện kiểm sát nhân dân KV 2-ĐT;
- Phòng thi hành án dân sự tỉnh đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ. án văn.09.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị An Thư

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hải Bình

Đàm Kiến Dân

Trần Thị An Thư

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Văn Riều

Võ Thị Bích Liên

Trần Thị An Thư

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Thị An Thư

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3 (100%).

Biên bản kết thúc giờ phút ngày 20 tháng 9 năm 2024, có đọc lại cho các thành viên Hội đồng xét xử nghe và đồng ý ký tên.

Thành viên Hội đồng xét xử Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Danh Hiếu

Ông Nguyễn Văn Đảnh

Trần Thị An Thư